

Hưng Yên, ngày 28 tháng 02 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2022

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG
NGHỆ CAO TRAPHACO

I. Căn cứ đề xuất sửa đổi:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (Luật DN 2020) có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (Luật CK 2019) có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành (Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, Thông tư 116/2020/TT-BTC (ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho công ty đại chúng)).

II. Các đề xuất sửa đổi chi tiết:

TT	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ			
1	Điều 1: Định nghĩa c. “Luật doanh nghiệp” có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.	c. “Luật doanh nghiệp” có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.	Sửa lại theo đúng khái niệm của Luật Chứng khoán 2019, luật Doanh nghiệp 2020.
2	Điều 1. Định nghĩa d. “Luật chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010.	d. “Luật chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.	

TT	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
3	Điều 1. Định nghĩa g. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;	g. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 26 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;	Sửa lại theo đúng khái niệm của Luật Doanh nghiệp 2020, Chứng khoán 2019.
4	Điều 1. Định nghĩa h. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.	b. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty".	Sửa lại theo đúng khái niệm của Luật Chứng khoán 2019.
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP			
5	Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu <u>trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</u>	6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu <u>trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác</u>	Theo Khoản 3 Điều 124 Luật DN 2020, cụm từ " <i>cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán</i> " đã được thay đổi thành " <i>hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác</i> ".
6	Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. <u>Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</u>	7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.	Theo Điều 36 Luật CK 2019, công ty đại chúng không còn được mua lại cổ phiếu do chính mình phát hành để làm cổ phiếu quỹ

TT	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
7	<p>Điều 6: Giấy chứng nhận cổ phần: 2. Giấy chứng nhận cổ phần phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại <u>khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>2. Giấy chứng nhận cổ phần phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại <u>khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>Theo khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp</p>
8	<p>Điều 6: Giấy chứng nhận cổ phần: 4. Trường hợp Giấy chứng nhận cổ phần bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận cổ phần mới với điều kiện như quy định tại <u>khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp</u>, đưa ra được bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p>Điều 6: Giấy chứng nhận cổ phần: 4. Trường hợp Giấy chứng nhận cổ phần bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận cổ phần mới với điều kiện như quy định tại <u>khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp</u>, đưa ra được bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty</p>	<p>Theo khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
9	<p>Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.”</p>	<p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán <u>và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</u>”</p>	<p>Theo Khoản 2 Điều 9 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>
10	<p>Điều 9: Thu hồi cổ phần 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại <u>khoản 4 Điều 111 Luật Doanh nghiệp</u>. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại <u>khoản 4 Điều 112 Luật Doanh nghiệp</u>. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p>Theo khoản 4 Điều 112 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

TT	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG			
11	Điều 11: Quyền của cổ đông: 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng</u> trở lên có các quyền sau:	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:	Theo Khoản 2 Điều 115 Luật DN 2020, đã BỎ quy định về “sở hữu liên tục ít nhất 06 tháng trở lên”.
12	Điều 11: Quyền của cổ đông: b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>Khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp</u> ;	b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>Khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</u> ;	Theo khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020
13	Điều 13: Đại hội đồng cổ đông: c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. <u>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</u>	c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	+ Luật DN 2020 đã bỏ quy định này. + Không khả thi vì khả năng cao là Cơ quan ĐKKD sẽ từ chối tham dự.
14	Điều 14: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông: 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: d. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;	2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: d. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; <u>Ban kiểm soát</u>	nếu quy định ĐHĐCĐ thông qua việc quyết định số lượng thành viên HĐQT thì nên liệt kê gồm cả “số lượng thành viên BKS.”

TT	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
15	<p>Điều 14: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty; <u>Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.</u>”</p>	<p>Theo :</p> <p>+ Điểm b Khoản 3 Điều 41 Luật CK 2019</p> <p>+ Khoản 2 Điều 270 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p> <p>+ Khoản 2 điểm 1 Điều 138 Luật DN 2020</p> <p>+ Điểm t Khoản 2 Điều 15 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
16	<p>Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 160 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 165 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán</p>	<p>Theo khoản 1, Điều 165 Luật doanh nghiệp 2020</p>
17	<p>Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn <u>năm (05) ngày</u> trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn <u>mười (10) ngày</u> trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Theo Khoản 1 Điều 141 Luật DN 2020.</p>

TT	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
18	<p>Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất mười (10) ngày trước ngày</u> khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư) bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Việc gửi thông báo mời họp và Tài liệu họp được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 139 Luật doanh nghiệp</p>	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <u>chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước</u> ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư) bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Việc gửi thông báo mời họp và Tài liệu họp được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 143 Luật doanh nghiệp</p>	<p>Điều 143 Luật doanh nghiệp</p>
19	<p>Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 0 trong các trường hợp sau:</p>	<p>5. <u>Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</u> Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được quyền từ chối kiến nghị trong các trường hợp sau:</p>	<p>Theo Khoản 3 Điều 142 Luật DN 2020.</p>
20	<p>Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 0 trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông <u>trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> theo quy định tại Khoản 0 Điều lệ này;</p>	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 0 trong các trường hợp sau</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 0 Điều lệ này;</p>	<p>Luật DN 2020 đã bỏ quy định phải sở hữu liên tục ít nhất 06 tháng.</p>

TT	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
21	<p>Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>5. Trình tự, thủ tục tiến hành Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo <u>Điều 142 Luật doanh nghiệp</u>. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp theo đúng chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p>	<p>5. Trình tự, thủ tục tiến hành Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo <u>Điều 146 Luật doanh nghiệp</u>. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp theo đúng chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p>	<p>Theo điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
22	<p>Điều 20: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1. Quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p>	<p>1. Quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p> <p><u>f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông</u></p>	<p>Theo Khoản 1 Điều 148 Luật DN 2020.</p>
23	<p>Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p>	<p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p>	

TT	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
	<p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p>	<p>a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.”</p>	<p>Theo Khoản 4 Điều 149 Luật DN 2020 và tham khảo Khoản 4 Điều 22 Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC, bổ sung các hình thức bỏ phiếu biểu quyết này cho cổ đông.</p>
24	<p>Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua;</p>	<p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua và tỉ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.</p>	<p>Như Điểm đ, Khoản 5 Điều 149 Luật DN 2020</p>
VII. Hội đồng quản trị			
25	<p>Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm;</p>	<p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và <u>có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế</u>. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành</p>	<p>Theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 154 Luật DN 2020. - Khoản 4 Điều 276 NĐ 155/2020/NĐ-CP.

TT	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
	<p>thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đối với công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p>viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đối với công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	
26	<p>Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 60% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (04) ứng viên; từ 70% trở lên được đề cử đủ ứng viên.</p>	<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. <u>Việc hợp thành nhóm như vậy phải được thông báo cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.</u> Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 60% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (04) ứng viên; từ 70% trở lên được đề cử đủ ứng viên.</p>	<p>Luật DN 2020 đã bỏ quy định về “sở hữu liên tục ít nhất 06 tháng trở lên”.</p>
27	<p>Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh)</p>	<p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: c. Trong phạm vi quy định tại Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh)</p>	<p>Theo điều 153 và điều 167 luật Doanh nghiệp 2020</p>

TT	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Lý do, căn cứ
28	Điều 30: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành Chưa có	3. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại <u>khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp</u> ; <u>Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, Kiểm soát viên của Công ty; người đại diện phân vốn nhà nước.</u>	- Dẫn chiếu (đúng) tới Luật DN 2020. theo Khoản 5b Điều 162 Luật DN 2020.
29	Điều 33: Ban kiểm soát 1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <u>Điều 123 Luật Doanh nghiệp</u> và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <u>Điều 170 Luật Doanh nghiệp</u> và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	Theo điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020
30	Điều 53: Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 53 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco nhất trí thông qua ngày <u>05 tháng 06 năm 2020</u> tại Hưng Yên và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 53 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công nghệ cao Traphaco nhất trí thông qua ngày tháng năm 2022 tại Hưng Yên và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	

Các nội dung sửa đổi, bổ sung trọng yếu nêu trên phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các nội dung khác về thời gian, số điều khoản dẫn chiếu, không làm thay đổi quy định của Điều lệ hiện hành.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua. Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2022-2026;
- HĐQT, Ban GD, BKS;
- UBCKNN, SGDCK Hà Nội;
- Website TraphacoCNC;
- Lưu: HC.

